

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH CSGD TRẺ KHỐI 3 TUỔI: NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	Thuộc LV	Yếu tố khác	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu)	
							MN	BT	ĐV	GĐ	NN	TV	T MX	GT	HTT N	QH		Cộng
							3	4	3	4	4	3	3	4	3	4		
							08/9/2025	29/9/2025	27/10/2025	17/11/2025	19/12/2026	15/12/2026	09/02/2026	09/3/2026	06/4/2026	27/4/2026		
1	I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT						#	#	#	#	#	#	#	#	#			
2	A. Phát triển vận động						#	#	#	#	#	#	#	#	#			
3	1. Thực hiện các động tác PT các nhóm cơ và hô hấp						#	#	#	#	#	#	#	#	#			
4	Thực hiện đủ các bước của các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn (E)	KQ MĐ	Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục (E)	TLH D	TC	Steam	x									2		
								x	x								2	
									x	x							2	
										x	x						2	
											x	x					2	
												x	x				2	
														x	x		2	
														x	x		2	
															x	x	2	
5	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận						#	#	#	#	#	#	#	#	#			
6	* Vận động: Đi						#	#	#	#	#	#	#	#	#			
	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.		Đi trong đường hẹp (3m x 0,2 m)	KQ MĐ	TC	Steam	x									1		
			Đi trong đường hẹp có cầm vật trên tay	TLH D	TC							x				1		

7	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	KQ MĐ	Đi trong đường hẹp (3m x 0,2 m) đầu đội túi cát.	ND CT	TC	Steam										x		1		
			Đi kiềng gót liên tục 3m	ND CT	TC		x												1	
			Đi theo đường ziczac 3-4 điểm		TC				x										1	
			Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	ND CT	TC		x											1		
8	* Vận động: Chạy						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
9	Kiểm soát vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	KQ MĐ	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	ND CT	TC				x				x				x		3	
10	Kiểm soát vận động chạy liên tục trong đường díc dắc (3-4 điểm díc dắc) không chệch ra ngoài	KQ MĐ	Chạy thay đổi hướng theo đường díc dắc	ND CT	TC					x		x					x		3	
11	Kiểm soát vận động chạy liên tục 15 m theo hướng thẳng	KQ MĐ	Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m	ND CT	TC										x				1	
12	* Vận động: Bò, Trườn, Trèo						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
13	Thể hiện nhanh, khéo léo khi thực hiện vận động bò theo đường díc dắc	KQ MĐ	Thể hiện nhanh, khéo léo khi thực hiện vận động bò theo đường díc dắc	KQ MĐ	TC							x							1	

14	Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động bò theo hướng thẳng	NDC T	Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động bò theo hướng thẳng	ND CT	TC				x									1	
15	Thể hiện sự khéo khi thực hiện vận động bò chui qua cổng	NDC T	Thể hiện sự khéo khi thực hiện vận động bò chui qua cổng (E)	ND CT	TC	Steam				x								1	
16	Thể hiện nhanh mạnh khéo khi thực hiện vận động trườn theo hướng thẳng	NDC T	Thể hiện nhanh mạnh khéo khi thực hiện vận động trườn về phía trước	ND CT	TC												x	1	
19	Thể hiện mạnh dạn, khéo léo khi thực hiện vận động bước lên xuống bục cao 30 cm	NDC T	Bước lên xuống bục cao 30 cm	ND CT	TC										x			1	
20	* Vận động: Tung, Ném, Bắt							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
22	Phối hợp tay mắt trong vận động tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi (K/C: 2,5m)	KQ MB	Phối hợp tay mắt trong vận động tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi (khoảng cách 2,5m)	ND CT	TC						x							1	
	Phối hợp tay mắt trong khi tự đập bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm)		Phối hợp tay mắt trong khi tự đập bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm)		TC										x			1	

23	Phối hợp tay mắt khi lăn bắt bóng với cô	KQ MD	Phối hợp tay mắt khi lăn bắt bóng với cô	ND CT	TC	Steam		X				X			X		3	
24	Phối hợp tay mắt khi ném xa bằng 1 tay	NDC T	Phối hợp tay mắt khi ném xa bằng 1 tay	ND CT	TC											X	1	
25	Phối hợp tay mắt khi ném xa bằng 2 tay	NDC T	Phối hợp tay mắt khi ném xa bằng 2 tay (E)	ND CT	TC	Steam				X							1	
26	Phối hợp tay mắt khi ném trúng đích ngang , đích thẳng đứng(xa 1,5m)	TLH D	Phối hợp tay mắt khi ném trúng đích ngang, thẳng đứng, thẳng đứng(xa 1,5m)	TLH D	TC							X					1	
					TC										X		1	
	Phối hợp tay mắt khi chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	NDC T	Phối hợp tay mắt khi chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	ND CT	TC					X							1	
28	Phối hợp tay mắt khi chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc	NDC T	Phối hợp tay mắt khi chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc	ND CT	TC							X					1	
29	Phối hợp tay mắt khi chuyển bắt bóng qua đầu	NDC T	Phối hợp tay mắt khi chuyển bắt bóng qua đầu	ND CT	TC											X	1	
30	* Vận động: Bật, Nhảy						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
31	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động bật tại chỗ	TLH D	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động bật tại chỗ	ND CT	TC		X										1	

32	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động bật về phía trước	NDC T	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động bật về phía trước	ND CT	TC				x								1	
33	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Bật xa	NDC T	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Bật xa ; bật qua vật cản; nhảy bật từ trên cao xuống	ND CT	TC					x							1	
34	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Bật qua vật cản				TC	Steam							x				1	
35	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Nhảy bật từ trên cao xuống				TC										x			1
36	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Bật qua 3 ô vòng	NDC T	Mạnh dạn, tự tin khi thực hiện vận động: Bật qua 3 ô vòng; 5 ô vòng	ND CT	TC	Steam					x						1	
37	Mạnh dạn, giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: Bật qua 5 ô vòng				TC												x	
38	3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón								#	#	#	#	#	#	#	#	#	
39	Thực hiện được vận động xoay tròn cổ tay	KQ MĐ	Thực hiện được vận động xoay tròn cổ tay	KQ MĐ	TC		x		x		x		x		x	x	6	

40	Thực hiện được vận động gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay	KQ MĐ	Thực hiện được vận động gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay	KQ MĐ	TC			x		x		x		x		x	5	
37	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động vẽ hình theo mẫu	KQ MĐ	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động vẽ hình tròn theo mẫu	KQ MĐ	TC		x		x		x		x			x	5	
38	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động tô vẽ nguệch ngoạc	NDC T	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động tô vẽ nguệch ngoạc	ND CT	TC			x		x			x		x		4	
39	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt khi sử dụng kéo	KQ MĐ	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt khi sử dụng kéo	KQ MĐ	TC		x		x		x		x		x	x	6	
40	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động xếp chồng được 8-10 khối không đổ	KQ MĐ	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động xếp chồng được 8-10 khối không đổ	ND CT	TC			x		x		x		x		x	5	
41	Biết tự cài, cởi cúc to	KQ MĐ	Biết tự cài, cởi cúc to		TC		x		x		x		x		x		5	

42	Bước đầu biết sử dụng một số nguyên liệu đan, tết, xé, ấn giấy	NDC T	Bước đầu biết sử dụng một số nguyên liệu đan, tết	ND CT	TC				x		x		x			x	x	5		
			Xé - dán giấy dài khoảng 10cm; xé chùm cầu	ND CT		Steam				x		x		x				x	4	
													x						1	
43	Biết sử dụng đúng cách một số văn phòng phẩm thông thường	ĐP	Biết sử dụng đúng cách một số văn phòng phẩm thông thường	ĐP	TC	QTE			x		x			x	x	x		5		
44	B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
45	1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
46	Nói đúng tên 1 số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt cá trứng, sữa rau...)	KQ MĐ	Nhận biết 1 số thực phẩm và món ăn quen thuộc	ND CT	TC		x			x		x		x		x	x	6		
47	Biết tên 1 số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	KQ MĐ	Nhận biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	KQ MĐ	TC				x		x		x		x		x	5		
48	Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất, đủ lượng	NDC T	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất, đủ lượng	ND CT	TC	QTE	x			x		x		x		x		5		

49	Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	NDC T	Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	ND CT	TC	QTE		x		x		x			x		4	
50	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	KQ MĐ	Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	KQ MĐ	TC	QTE	x		x		x		x			x	5	
51	Biết cách phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn (GD - QCN)	TLH D	Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	TLH D	TC	QTE				x		x		x		x	4	
			- Hướng dẫn cách chế biến một số món ăn dành cho trẻ	TLH D			x		x		x			x		x	5	
			- Một số chế độ ăn khi trẻ bị bệnh (táo bón, tiêu chảy, sốt, suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì,...)	TLH D				x		x		x	x		x		5	
		ĐP	- Hướng dẫn kỹ thuật sơ cứu thông thường	ĐP			x		x		x		x			x	5	
52	2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt						#	#	#	#	#		#	#	#	#	#	

53	Thực hiện được 1 số việc đơn giản, rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo với sự giúp đỡ của người lớn	KQ MĐ	Làm quen cách đánh răng, lau mặt. Tập rửa tay bằng xà phòng	ND CT	TC	QTE SEL	x		x		x			x		x	5	
54	Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	NDC T	Nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	KQ MĐ	TC	QTE SEL		x		x		x		x		x	5	
55	Biết tự tháo tất, cởi quần áo	NDC T	Tháo tất, cởi quần áo	ND CT	TC	SEL	x		x		x		x		x		5	
56	Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	KQ MĐ	Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	ND CT	TC	SEL		x		x			x		x		4	
57	3. Hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
59	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi ...	KQ MĐ	Một số hành vi tốt trong ăn uống: uống nước đã đun sôi ...	KQ MĐ	TC			x		x		x		x			4	
59	Chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh đi dép, giày khi đi học khi được nhắc nhở	KQ MĐ	Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh đi dép, giày khi đi học	ND CT	TC	QTE SEL		x		x			x		x		4	
61	Biết trang phục phù hợp với thời tiết	NDC T	Nhận biết trang phục phù hợp với thời tiết	ND CT	TC				x					x			2	

62	Có một số hành vi tốt trong phòng bệnh: biết nói với người lớn khi bị đau và chảy máu	KQ MĐ	Nhận biết một số biểu hiện khi ốm	KQ MĐ	TC	QTE SEL	x	x		x						x		3	
63	Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	NDC T	Tập làm vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	ND CT	TC	QTE SEL		x			x				x		x	4	
64	4. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
65	Biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	KQ MĐ	Nhận biết và phòng tránh một số đồ vật gây nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, vật sắc nhọn...)	KQ MĐ	TC	QTE		x			x			x		x		x	5
66	Biết tránh nơi không an toàn (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở	KQ MĐ	Nhận biết một số khu vực không an toàn (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...)	ND CT	TC	QTE	x			x			x			x		x	6
67	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại hoa quả có hạt..., tự ý lấy thuốc uống.	KQ MĐ	Nhận biết một số hành động gây nguy hiểm cho bản thân (cưỡi đùa khi ăn uống, ăn quả có hạt, tự ý lấy thuốc uống).	KQ MĐ	TC	QTE SEL		x			x			x			x		5

68	Biết tránh và không làm một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở phù hợp độ tuổi	KQ MĐ	Nhận biết những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân (không leo trèo bàn ghế, lan can, không theo người lạ, trêu động vật, hút thuốc lá, uống rượu bia, lại gần người đang hút thuốc lá,...)	KQ MĐ	TC	QTE SEL		x		x		x		x			4	
69	Biết và không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp	KQ MĐ	Nhận biết người lạ và không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp	KQ MĐ	TC	QTE	x		x		x					x	4	
70	Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	NDC T	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	KQ MĐ	TC	QTE		x			x			x			3	
71	II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
72	A. Khám phá khoa học						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
73	1. Các bộ phận cơ thể con người						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
74	Thể hiện sự tò mò về Biết một số bộ phận của cơ thể và chức năng của chúng	KQ MĐ	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể	ND CT	NT	QTE Steam		x									1	

75	Biết quan tâm,hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát SVHT; hay đặt câu hỏi về đối tượng	KQ MĐ	Quan sát sự vật, hiện tượng gần gũi và đặt câu hỏi	KQ MĐ	NT					x		x			x		x	4			
76	Biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	KQ MĐ	Làm thí nghiệm đơn giản với vật chìm, nổi	KQ MĐ	NT	Steam										x		1			
77	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng	KQ MĐ	Tìm hiểu một số đối tượng cùng cô giáo	KQ MĐ	NT	SEL	x				x		x		x			4			
78	Biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	KQ MĐ	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	KQ MĐ	NT					x		x		x		x		4			
79	2. Đồ vật:						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
80	* Đồ dùng, đồ chơi						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
81	Có khả năng quan sát và thu thập về đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	NDC T	Biết đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	ND CT	NT	Steam	x			x		x		x	x		x	6			
											x								1		
																		x		1	
												x								1	
												x									1
82	* Phương tiện giao thông						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#				

83	Có khả năng quan sát và thu thập về Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	NDC T	Tên, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc	ND CT	NT	Steam								x				1	
														x				1	
														x				1	
														x				1	
84	3. Động vật và thực vật						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
85	Có khả năng quan sát, lựa chọn và sử dụng các thiết bị công cụ kỹ thuật số, thu thập về Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc.	NDC T	Nhận biết đặc điểm nổi bật, ích lợi của con vật quen thuộc	ND CT	NT	QTE Steam			x								1		
									x								1		
									x								1		
	Có khả năng quan sát, lựa chọn và sử dụng các thiết bị công cụ kỹ thuật số, thu thập về Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối quen thuộc.	NDC T	Có khả năng quan sát, lựa chọn và sử dụng các thiết bị công cụ kỹ thuật số, thu thập về Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối quen thuộc.	ND CT	NT	QTE							x				1		
													x				1		
						Steam							x				1		
													x				1		
86	Biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	NDC T	Làm thí nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu cây, con vật	ND CT	NT	Steam	x		x		x			x		x	5		

87	Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng	NDC T	Nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng	ND CT	NT				x		x		x		x			4		
88	Biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	NDC T	Chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	ND CT	NT					x			x		x			3		
89	4. Một số hiện tượng tự nhiên						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
90	* Thời tiết, mùa						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
91	Có khả năng qs và thu thập số liệu, rút ra được kết luận về những hiện tượng qs được: nắng mưa, nóng, lạnh. Có khả năng lựa chọn và sử dụng các thiết bị công cụ kĩ thuật số	NDC T	Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sinh hoạt của trẻ	ND CT	NT		x		x		x		x		x			5		
						Steam									x			1		
														x					1	
																	x			1
92	* Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
93	Biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	NDC T	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	ND CT	NT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10		
															x			1		
94	*Nước						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#			
95	Biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày	NDC T	Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày	ND CT	NT										x			1		

	Thực hiện được các thí nghiệm khoa học tạo ra các phản ứng khoa học và quan sát quá trình cũng như kết quả của chúng và sử dụng lời nói để thể hiện	NDC T	Tìm hiểu ích lợi của nước đối với con vật và cây cối	ND CT	NT	Steam													
96	Có khả năng quan sát, phân tích được và thu thập dữ liệu về Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối.	NDC T	Tìm hiểu ích lợi của nước đối với con vật và cây cối	ND CT	NT				x			x				x			3
97	* Không khí, ánh sáng							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
	Thực hiện được các thí nghiệm khoa học tạo ra các phản ứng khoa học và quan sát quá trình cũng như kết quả của chúng và sử dụng lời nói để thể hiện về một số nguồn không khí trong sinh hoạt hàng ngày	NDC T	Một số nguồn không khí trong sinh hoạt hàng ngày	ND CT	NT												x		1

98	Thực hiện được các thí nghiệm khoa học tạo ra các phản ứng khoa học và quan sát quá trình cũng như kết quả của chúng và sử dụng lời nói để thể hiện về một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	NDC T	Nhận biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	ND CT	NT	Steam											X	1	
99	* Đất, đá, cát, sỏi						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
100	Biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	NDC T	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	ND CT	NT						X						X	2	
101	B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
102	1. Nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự, đếm						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
103	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	KQ MD	Nhận biết số lượng và đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi.	KQ MD	NT	Steam	X			X		X		X		X		5	
							X											1	
											X							1	
													X					1	
						Steam								X				1	
104	Biết đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5	KQ MD	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	ND CT	NT				X		X	X				X		4	
105	Biết một và nhiều	NDC T	Một và nhiều	ND CT	NT			X										1	

106	Biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQ MĐ	So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	KQ MĐ	NT				x								1	
													x				1	
						Steam								x			1	
															x		1	
107	Biết tách, gộp một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	KQ MĐ	Tách, gộp một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ	ND CT	NT						x						1	
						Steam							x				1	
														x			1	
																	x	1
108	2. Xếp tương ứng						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
109	Biết xếp tương ứng 1-1	NDC T	Xếp tương ứng 1-1	ND CT	NT		x		x		x		x		x		5	
110	Biết ghép đôi	NDC T	Ghép đôi 2 đối tượng có mối liên quan	ND CT	NT		x		x		x		x		x		5	
111	3. Sắp xếp theo quy tắc						#	#	#	#	#		#	#	#	#	#	
	Nhận ra được quy tắc (Quy luật) sắp xếp của 2 đối tượng (AB) và tiếp tục thực hiện sao chép lại	KQ MĐ	Sắp xếp xen kẽ, theo quy tắc ABAB, AABB	KQ MĐ	NT	Steam	x		x		x		x			x	5	
113	4. So sánh , đo lường						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
114	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau.	KQ MĐ	So sánh 2 đối tượng về kích thước	ND CT	NT		x	x			x		x			x	5	
														x			1	
						Steam							x				1	
									x								1	
115	5. Hình dạng						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	

116	Nhận dạng và gọi tên các hình, tròn vuông, tam giác, chữ nhật	KQ MĐ	Nhận biết, gọi tên các hình, tròn vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế	ND CT	NT			x		x				x			3	
										x								
						Steam					x						1	
117	Biết sử dụng các hình hình học để lắp ghép	NDC T	Chắp ghép hình	ND CT	NT			x			x				x	3		
118	6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
119	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	KQ MĐ	Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân	ND CT	NT	QTE		x									1	
															x	1		
								x								1		
120	C. Khám phá xã hội						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
119	1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
121	Nói được tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	KQ MĐ	Tên, tuổi giới tính của bản thân	ND CT	NT	QTE		x									1	
122	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	KQ MĐ	Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	ND CT	NT					x							1	
						QTE				x						1		
123	Nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	KQ MĐ	Địa chỉ của gia đình	ND CT	NT	SEL		x		x							2	
	Nói được tên trường, lớp, cô giáo và các bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp	KQ MĐ	Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo				x										1	
							x									1		

124	Chơi, đồ dùng trong lớp, khi được hỏi trò chuyện		của cơ giao	ND CT	NT	QTE SEL	x										1	
			Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường				x	x			x		x		x		5	
125	2. Nhân biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
126	Kể tên và nói được sản phẩm, ích lợi của nghề nông.....khi được hỏi, xem tranh	KQ MB	Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề nông .	ND CT	NT	Steam QTE SEL					x						1	
			Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề chú bộ đội.							x						1		
			Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề xây dựng							x							1	
			Tên gọi, sản phẩm, ích lợi nghề bác sĩ.							x							1	
			Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề giáo viên.							x							1	
			Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của nghề truyền thống địa phương.													x	1	
127	3. Nhân biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
128	Kể được tên một số lễ hội, ngày lễ qua trò chuyện,	NDC	Một số lễ hội, một số phong tục tập quán,	ND	T		x	x	x		x	x		x		x	7	

128	tranh ảnh	T	các lễ kỷ niệm diễn ra vào ngày hội	CT	N	SEL Steam								x			1	
129	Kể được tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	NDC T	Danh lam, thắng cảnh ở địa phương	ND CT	NT								x			x	2	
130	Biết cờ Tổ quốc Việt Nam	NDC T	Nhận biết cờ Tổ quốc Việt Nam	ND CT	NT			x		x		x				x	4	
															x	1		
131	III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
132	A. Nghe hiểu lời nói						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
133	Thực hiện được yêu cầu đơn giản	KQ MĐ	Nghe hiểu và làm theo yêu cầu	ND CT	N		x		x		x			x			4	
134	Hiểu được nghĩa của từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi...	KQ MĐ	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hành động hiện tượng gần gũi	ND CT	N			x		x			x		x		4	
	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	KQ MĐ	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng	ND CT	N	QTE		x			x			x		x	4	
135	Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau, lời nói, ánh mắt, cử chỉ điệu bộ	KQ MĐ	Chủ động bày tỏ tình cảm, nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn giản	ND CT	N		x		x		x			x		x	5	

			Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong giao tiếp hàng ngày		N			x		x		x		x			4	
	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	NDC T	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	ND CT	N	SEL, QTE, Steam	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	21	
136	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	NDC T	Nghe các bài hát, bài thơ ca dao đồng dao, tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	ND CT	N	SEL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
137	B. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
138	Nói rõ các tiếng	KQ MĐ	Phát âm các tiếng của tiếng việt	ND CT	N		x		x	x	x		x		x	x	7	
139	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm ...	KQ MĐ	Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm ...	KQ MĐ	N			x		x		x		x	x	x	6	
140	Sử dụng được câu đơn, câu ghép	KQ MĐ	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng	KQ MĐ	N	QTE SEL	x		x		x		x		x		5	
141	Có khả năng hỏi bằng những câu hỏi tái hiện, câu hỏi truy vấn	NDC T	Chủ động trả lời và đặt các câu hỏi "ai" "Cái gì" "ở đâu", "Khi nào"	ND CT	N			x		x		x		x		x	5	

142	Kể lại được những sự việc đơn giản, đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim	KQ MĐ	Kể lại sự việc	ND CT	N		x		x		x		x		x	x	6	
	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ mang tính biểu cảm		Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe			Steam			x		x		x	x		x	5	
143	Có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi về chủ đề	KQ MĐ	Đọc bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi về chủ đề	ND CT	N	QTE SEL Steam	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	23	
144	Kể lại được chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	KQ MĐ	Kể lại một vài tình tiết của chuyện đã được nghe	ND CT	N		x		x		x		x		x	x	6	
	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ mang tính biểu cảm	KQ MĐ	Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe	ND CT	N			x		x		x		x		x	5	
145	Có khả năng bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	KQ MĐ	Tập đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	ND CT	N		x		x		x		x			x	5	
			Biết sử dụng ngôn ngữ lời nói để thiết lập, duy trì, phát triển các mối quan hệ giao tiếp, hoạt động.			SEL		x			x		x		x		4	

146	Sử dụng các từ "vâng ạ", "dạ" "thưa"...trong giao tiếp	KQ MĐ	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	ND CT	$\frac{N}{Z}$		x		x		x		x		x		5	
147	Biết nói đủ nghe, không nói lí nhí	KQ MĐ	Nói đủ nghe, không nói lí nhí	KQ MĐ	$\frac{N}{Z}$			x		x		x		x			4	
148	Có khả năng mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	NDC T	Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	ND CT	$\frac{N}{Z}$		x					x				x	4	
149	C. Làm quen với việc đọc - viết						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
150	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	KQ MĐ	Tiếp xúc với chữ, sách, truyện	KQ MĐ	$\frac{N}{Z}$		x		x			x				x	4	
151	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	KQ MĐ	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	KQ MĐ	$\frac{N}{Z}$	QTE		x		x			x		x		4	
152	Biết một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ)	NDC T	Làm quen một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ)	ND CT	$\frac{N}{Z}$			x		x		x		x		x	5	
153	Biết cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	NDC T	Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	ND CT	$\frac{N}{Z}$		x		x		x		x		x	x	6	
154	Biết giữ gìn sách	NDC T	Giữ gìn sách	ND CT	$\frac{N}{Z}$			x		x			x				3	

155	Được làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt	KQ MĐ	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt, nghỉ sau các dấu câu	ND CT	NN	QTE				x			x		x		x	4
156	Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc	NDC T	Tiếp xúc với chữ, sách truyện	ND CT	NN				x			x			x			3
157	IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
158	A. Phát triển tình cảm							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
159	1. Thể hiện ý thức về bản thân							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
160	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	KQ MĐ	Tên, tuổi, giới tính của bản thân	ND CT	TCXH				x			x						2
161	Nói được điều bé thích, không thích	KQ MĐ	Những điều bé thích, không thích (GD-QCN)	ND CT	TCXH	QTE	x			x			x		x		x	6
162	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
163	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	KQ MĐ	Kể về bản thân thông qua những câu hỏi gợi mở của cô	ND CT	TCXH				x				x			x		3
	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	KQ MĐ	Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	ND CT	TCXH				x			x	x		x		x	6
165	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật.							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	

166	Nhận ra cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận qua giọng nói, nét mặt tranh ảnh	KQ MB	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc, vui buồn sợ hãi tức giận qua nét mặt cử chỉ giọng nói	ND CT	TCXH	SEL	x		x		x		x	x		x	6	
167	Biết biểu lộ trạng thái cảm xúc vui buồn sợ hãi, tức giận	KQ MB	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, trò chơi hát, vận động	ND CT	TCXH	SEL		x		x		x		x		x	5	
										x							1	
										x							1	
											x						1	
168	Thích nghe hát kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	KQ MB	Kính yêu Bác Hồ	ND CT	TCXH	SEL QTE										x	1	
169	Biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	NDC T	Một số cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	ND CT	TCXH										x		1	
						SEL										x	1	
170	Biết được các kỳ nghỉ lễ trong năm và một số nét văn hóa của địa phương	ĐP	Nhận biết về kỳ nghỉ lễ trong năm và một số nét văn hóa nổi bật của địa phương	ĐP	TCXH	QTE							x				1	
172	B. Phát triển kỹ năng xã hội						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
173	1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	

174	Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	KQ MB	Một số quy định ở lớp và gia đình: (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)	ND CT	TCXH	Steam	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
175	Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	KQ MB	Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	ND CT	TCXH		x	x		x		x		x		x	6	
176	Biết quan tâm, kính trọng, lễ phép, thể hiện sự yêu quý		Cử chỉ lời nói lễ phép, thể hiện sự quan tâm, yêu mến...		TCXH	SEL		x		x	x	x		x	x		6	
177	Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói	KQ MB	Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói	ND CT	TCXH	QTE	x		x		x		x		x	x	7	
178	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	KQ MB	Chơi cùng bạn theo nhóm nhỏ	KQ MB	TCXH	SEL				x		x		x		x	4	
180	Biết chờ đến lượt	NDC T	Chờ đến lượt	ND CT	TCXH		x		x		x		x		x		5	
181	Có khả năng nhận biết hành vi " đúng" - " sai", " tốt" - " xấu"	NDC T	Nhận biết hành vi " đúng" - " sai", " tốt" - " xấu"	ND CT	TCXH	SEL		x		x		x		x		x	5	
							x										1	
								x									1	
														x			1	

182	2. Quan tâm đến môi trường						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
183	Thích chăm sóc cây cối, con vật	KQ MĐ	Bảo vệ và chăm sóc cây cối, con vật gần gũi	ND CT	TCXH	QTE	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
	Thích chăm sóc con vật	KQ MĐ	Bảo vệ và chăm sóc con vật gần gũi	ND CT	TCXH	SEL			x								1	
184	Bảo vệ, chăm sóc cây, hoa...	KQ MĐ	Bảo vệ và chăm sóc các cây cối	ND CT	TCXH							x					1	
185	Biết Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định	KQ MĐ	Giữ gìn sạch sẽ	ND CT	TCXH		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
186	Biết tiết kiệm điện, nước	KQ MĐ	Tiết kiệm điện, nước	ND CT	TCXH		x	x	x	x	x			x	x	x	7	
187	V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
188	A. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	

189	Vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật cả các sự vật, hiện tượng	KQ MĐ	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	ND CT	TM	SEL		x		x		x		x		x		5	
190	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	KQ MĐ	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca); nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể câu chuyện	KQ MĐ	TM		x		x		x		x		x			5	
191	Biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật(về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	KQ MĐ	Nhận xét sản phẩm tạo hình	ND CT	TM		x	x		x		x		x		x		6	
192	B. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo							#	#	#	#	#	#	#	#	#	#		
193	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	KQ MĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	ND CT	TM	SEL QTE	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	15	

194	Biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	KQ MB	Biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	ND CT	TM	SEL QTE	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	6	
195	Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	KQ MB	Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	ND CT	TM	Steam QTE SEL		x		x		x	x	x		x	6	
							x										1	
									x								1	
										x							1	
													x				1	
														x			1	
															x		1	
196	<i>Biết tô màu trong hình rỗng không chòem ra ngoài</i>	ĐP	<i>Tô màu hình vẽ</i>	ĐP	TM	Steam SEL QTE	x	x		x	x	x	x		x	x	8	
							x										1	
										x							1	
													x					
										x							1	
												x					1	
																x	1	
	Biết dùng các loại khuôn in tạo ra sản phẩm	ĐP	Tạo ra các sản phẩm từ khuôn in	ĐP	TM	Steam	x		x		x	x		x		x	6	
								x									1	
	Màu sắc cơ bản của màu nước		Màu sắc cơ bản của màu nước			x						x					1	

197	Biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang để tạo thành bức tranh đơn giản	KQ MĐ	Sử dụng một số kỹ năng vẽ nét thẳng, xiên, ngang để tạo thành bức tranh đơn giản	ND CT	TM	Steam SEL	x										1	
								x									1	
															x		1	
																x	1	
198	Biết sử dụng một số kỹ năng và một số đồ dùng để tạo thành sản phẩm	KQ MĐ	Biết cách trang trí sản phẩm theo yêu cầu và theo ý thích	ND CT	TM	Steam		x		x		x	x	x		x	6	
							x										1	
										x							1	
													x				1	
199	Biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	KQ MĐ	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	ND CT	TM	Steam SEL	x		x		x		x		x		5	
									x								1	
														x			1	
200	Biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	KQ MĐ	Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	ND CT	TM	SEL	x			x		x		x		x	5	
							x										1	
201	Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	KQ MĐ	Xếp những sản phẩm có cấu trúc đơn giản	ND CT	TM	SEL	x		x		x		x		x	x	6	

202	Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	KQ MB	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục	ND CT	TM	Steam SEL		x		x		x		x		x	5	
203	C. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)						#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	#	
204	Biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	KQ MB	Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc	ND CT	TM	SEL	x	x		x		x		x		x	6	
205	Biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	KQ MB	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	ND CT	TM		x		x		x		x		x	x	6	
206	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	KQ MB	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	ND CT	TM	QTE		x		x		x		x		x	5	
CỘNG TỔNG SỐ NỘI DUNG HĐ PHÂN BỐ VÀO CHỦ ĐỀ							74	81	75	82	86	70	72	83	68	85	776	
Trong đó: Lĩnh vực thể chất (Phần vận động)							9	10	10	11	11	8	9	9	10	12	99	
Lĩnh vực thể chất(Phần CS-ND)							10	13	10	12	10	9	10	11	9	10	104	
Lĩnh vực nhận thức							15	18	18	17	19	15	15	18	14	17	166	
Lĩnh vực ngôn ngữ							19	20	17	20	22	17	17	20	16	20	188	
Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội							8	8	7	9	9	8	8	9	7	10	83	

Lĩnh vực thẩm mỹ	13	12	13	13	15	13	13	16	12	16	136	
-------------------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	------------	--

Tự Cường, ngày 15 tháng 8 năm 2025

**T/M BAN GIÁM HIỆU
NGƯỜI DUYỆT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TỔ TRƯỞNG

Lê Kim Oanh

Bùi Thị Dự